

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÓM TẮT
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030
HUYỆN THANH MIỆN**

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật.*”. Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Khoản 4 quy định “*Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai*” và tại Điều 45 Khoản 3 quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện*”.

Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện nhằm phát huy tốt hơn nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chủ động trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025.

Thực hiện: Điều 40, 42, 47 của Luật Đất đai 2013; Điều 7 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ vào tầm quan trọng của công tác quy hoạch sử dụng đất, để khắc phục những tồn tại trong thời gian trước, ngày 10 tháng 6 năm 2020, UBND tỉnh Hải Dương đã có Công văn số 2010/UBND-VP về việc Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của cấp huyện; Công văn 1852/STNMT-KHTC ngày 11 ngày 9 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đăng ký nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành

phổ làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng với quy định của Luật Đất đai.

Trên cơ sở đó, UBND huyện Thanh Miện tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, thống nhất, hài hòa giữa các lĩnh vực, được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Hải Dương và Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thanh Miện đã tiến hành “*Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện*”. Đây sẽ là căn cứ mang tính pháp lý và khoa học, làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao và bền vững đất đai, thiết lập các hành lang pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất... phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.

- Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2011-2020 đã được phê duyệt. Làm rõ những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong việc lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch trong giai đoạn 2021-2030.

- Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 cấp huyện nhằm phát huy tốt nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chủ động trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra.

- Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở, cung cấp thông tin cho xây dựng các quy hoạch chuyên ngành có sử dụng đất.

- Yêu cầu về nội dung, trình tự thực hiện việc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

III. CƠ SỞ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3.2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

Nghị quyết 87/NQ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Hải Dương.

Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc sắp xếp, sát nhập, chia tách các thôn, khu dân cư thành lập các thôn mới, khu dân cư mới trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thanh Miện đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương nhiệm kỳ 2020-2025.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thanh Miện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Thanh Miện đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 10/12/2013.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc “Ban hành Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn Hải Dương”.

- Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt diện tích đất trồng lúa đảm bảo an ninh lương thực tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Công văn số 2010/UBND-VP ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của cấp huyện;

Công văn 1852/STNMT-KHTC ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đăng ký nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn (2011 - 2020);

Kết quả thực hiện các chương trình, dự án, các nghiên cứu của Trung ương và địa phương có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thanh Miện.

Số liệu số liệu thống kê đến 31 tháng 12 năm 2020 huyện Thanh Miện.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của các xã, thị trấn và huyện Thanh Miện.

Đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

Và các hồ sơ, tài liệu có liên quan khác.

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG KỲ TRƯỚC (2011-2020) VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

Thực hiện Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 10/12/2013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc “*Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của huyện Thanh Miện*” và Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thanh Miện. Đến nay UBND huyện đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt.

Bảng 01: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020.

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất được duyệt kỳ trước (2011-2020)	Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất kỳ trước (2011-2020)		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	-899,45	-312,78	586,67	34,77
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-725,36	-944,94	-219,58	130,27
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>-725,36</i>	<i>-944,94</i>	<i>-219,58</i>	<i>130,27</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-48,69	193,83	242,52	-398,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-269,61	257,96	527,58	-95,68
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	29,31	155,09	125,78	529,11
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	114,90	25,27	-89,63	21,99
2,0	Đất phi nông nghiệp	PNN	899,45	312,78	-586,67	34,77
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,21	-0,51	-2,72	-23,08
2.2	Đất an ninh	CAN	-	-0,03	-0,03	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	230,34	109,16	-121,18	47,39
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	44,66	2,52	-42,14	5,64
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	141,08	8,71	-132,37	6,17
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	389,41	151,57	-237,85	38,92
-	Đất giao thông	DGT	240,25	371,96	131,71	154,82
-	Đất thủy lợi	DTL	-3,95	-261,71	-257,76	6625,47

-	Đất công trình năng lượng	DNL	4,39	1,09	-3,30	24,87
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	6,16	4,82	-1,34	78,25
-	Đất cơ sở y tế	DYT	3,03	-0,25	-3,28	-8,25
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	43,90	11,11	-32,80	25,30
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	45,31	12,68	-32,63	27,98
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,73	2,11	0,38	121,97
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	23,01	10,11	-12,90	43,94
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	5,61	4,65	-0,96	82,89
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	11,32	-5,67	-16,99	-50,10
-	Đất chợ	DCH	8,50	0,55	-7,95	6,47
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	18,00	2,24	-15,76	12,44
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	116,86	73,79	-43,07	63,14
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	43,53	56,83	13,30	130,55
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,00	2,08	-8,92	18,91
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,00	2,09	2,09	-
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,36	-	-3,36	-
2.14	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,97	2,01	-7,96	20,16
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,59	-0,42	-2,01	-26,42
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-54,37	-35,42	18,95	65,15
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-58,19	-57,71	0,48	99,17
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00	0,05	0,05	-

a. Đất nông nghiệp: Theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt giai đoạn 10 năm (2011-2020) đất nông nghiệp sẽ giảm là 899,45 ha để chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện được đến hết năm 2020 đã giảm là 312,80 ha, còn 586,67 ha chưa thực hiện, đạt 34,77% quy hoạch được duyệt.

b. Đất phi nông nghiệp: Theo Quy hoạch sử dụng đất được duyệt giai đoạn 10 năm (2011-2020) đất phi nông nghiệp sẽ tăng 899,45 ha do chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 đã tăng 312,80 ha, còn 586,67 ha chưa thực hiện, đạt 34,77 % quy hoạch được duyệt.

2. Đánh giá chung

2.1. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

2.1.1. Những mặt được

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 10 năm (2011-2020) huyện Thanh Miện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt là cơ sở để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã tạo hành lang pháp lý cho công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy

định của Luật Đất đai, góp phần giảm thiểu tình trạng khiếu kiện đất đai, giúp ổn định tình hình an ninh, chính trị ở địa phương.

- Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ - thương mại, du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới... góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Thông qua công tác tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhận thức về vị trí, vai trò và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của chính quyền và người sử dụng đất được nâng lên. Sự tham gia của người dân trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã từng bước phát huy được tính dân chủ, công khai, minh bạch, hạn chế được những tiêu cực trong công tác quản lý đất đai, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần phát triển ổn định thị trường bất động sản, khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, làm cho việc sử dụng đất đai ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách.

- Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về đất đai, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cân bằng hệ sinh thái và bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; diện tích đất chưa sử dụng của huyện được đưa vào sử dụng đã tránh được lãng phí nguồn tài chuyên đất đai.

2.1.2. Những mặt tồn tại:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt chưa cao, cụ thể như, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp..., có chỉ tiêu còn chưa thực hiện được % nào như đất an ninh; đất khu công nghiệp.

- Quy hoạch sử dụng đất dự báo nhu cầu chưa sát với tình hình thực tế, chưa thực sự đồng bộ với quy hoạch các ngành, lĩnh vực; kế hoạch sử dụng đất xác định nhu cầu sử dụng đất còn chưa phù hợp với tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

- Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn thiếu các giải pháp có tính khả thi như không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng, sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện hoặc một số dự án sau khi giải phóng mặt bằng còn chậm triển khai thực hiện các hạng mục tiếp theo.

2.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại:

- Trước khi Luật Đất đai 2013 có hiệu lực, căn cứ để quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất còn dựa trên nhiều loại quy hoạch khác; song các quy hoạch này chưa kết nối với nhau, quy hoạch của các ngành thường vượt ra ngoài khung của quy hoạch sử dụng đất (Luật Đất đai năm 2003 quy định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, nên có trường hợp đã sử dụng quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong khi các quy hoạch này nhiều khi có sự sai khác so với quy hoạch sử dụng đất, từ đó dẫn đến tình trạng quy hoạch sử dụng đất bị phá vỡ, bị vô hiệu hóa);

- Do tình hình khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nói chung và ngành bất động sản nói riêng, vì vậy chủ đầu tư không thể thu hồi vốn đầu tư vào các dự án đã triển khai nên không thể đầu tư sang các dự án khác;

- Các dự án cấp Quốc gia, cấp Tỉnh trên địa bàn huyện chiếm diện tích lớn như: Khu công nghiệp Quốc Tuấn - An Bình 180 ha; Cụm công nghiệp Nam Hồng - Hồng Phong 50 ha; Khu dân cư phía Bắc Cầu Hàn, Dự án đầu tư xây dựng cầu Kênh Vàng và đường tỉnh 39, ... nhưng chậm triển khai nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện quy hoạch, kế hoạch chung của toàn huyện;

- Nhu cầu về vốn đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật của các địa phương là rất lớn trong khi ngân sách của huyện có hạn nên chưa thể bố trí vốn để thực hiện các dự án;

- Giai đoạn 2011 - 2015 là giai đoạn giao thời trong thực hiện Luật đất đai 2003 và 2013. Do vậy nên nhiều dự án đã lập thủ tục theo Luật 2003 nhưng nay không phù hợp với Luật 2013, phải lập lại hồ sơ nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án;

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải tiến nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án;

- Do công tác dự báo quy hoạch, kế hoạch của một số ngành còn nhiều bất cập dẫn đến việc bố trí, sử dụng đất cho ngành còn chưa thật sự hợp lý nên khó triển khai thực hiện theo đúng chỉ tiêu đề ra.

3. Hiện trạng sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai đến hết ngày 31/12/2020, tổng diện tích hành chính của huyện Thanh Miện là 12.345,49 ha, chiếm 7,40% diện tích tự nhiên của tỉnh. Gồm có 2 nhóm đất chính:

- Nhóm đất nông nghiệp: Tính đến hết ngày 31/12/2020 diện tích đất nông nghiệp toàn huyện có 8.398,18 ha, chiếm 68,03% tổng diện tích đất hành chính.

- Nhóm đất phi nông nghiệp: Tính đến hết ngày 31/12/2020 diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện có 3.947,31 ha, chiếm 31,97% tổng diện tích đất hành chính.

Bảng 02: Diện tích, cơ cấu sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 huyện Thanh Miện cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	(2)	(3)	(3)	(4)
I	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		12.345,49	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.398,18	68,03
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.437,37	52,14
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>6.437,37</i>	<i>52,14</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	255,20	2,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	707,79	5,73
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	962,52	7,80
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	35,29	0,29
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.947,31	31,97
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,99	0,06
2.2	Đất an ninh	CAN	0,82	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	109,16	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,52	0,02
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	29,21	0,24
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.280,85	18,48
-	Đất giao thông	DGT	1.235,82	10,01
-	Đất thủy lợi	DTL	721,11	5,84
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,48	0,03
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,66	0,01
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	15,39	0,12
-	Đất cơ sở y tế	DYT	6,69	0,05
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	65,03	0,53

-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	35,15	0,28
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6,87	0,06
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,95	0,13
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	23,15	0,19
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	144,94	1,17
-	Đất xã hội	DXH	0,11	0,00
-	Đất chợ	DCH	6,50	0,05
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	2,24	0,02
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	908,03	7,36
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	106,38	0,86
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,52	0,16
2.12	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,09	0,02
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	
2.14	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,01	
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,34	0,04
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	327,88	2,66
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	144,22	1,17
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,05	0,00

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN THANH MIỆN

I. Về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thanh Miện

Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 10 năm (2011-2020), mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến năm 2030 của huyện; quy hoạch của các ngành, lĩnh vực; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương, đề xuất phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thanh Miện như sau:

Bảng 03: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thanh Miện, cụ thể:

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến thời kỳ 2021-2030		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tổng số		Biến động tăng, giảm trong kỳ
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	(2)	(3)	(3)	(4)	(7=5+6)	(8)	
I	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		12.345,49	100,00	12.345,49	100,00	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.398,18	68,03	4.778,00	38,70	-3.620,17
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.437,37	52,14	2.562,85	20,76	-3.874,52
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>6.437,37</i>	<i>52,14</i>	<i>2.562,85</i>	<i>20,76</i>	<i>-3.874,52</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	255,20	2,07	204,66	1,66	-50,54
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	707,79	5,73	615,47	4,99	-92,32
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	962,52	7,80	1.201,52	9,73	239,00
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	35,29	0,29	193,50	1,57	158,21
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.947,31	31,97	7.567,48	61,30	3.620,17
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,99	0,06	19,21	0,16	12,22
2.2	Đất an ninh	CAN	0,82	0,01	3,47	0,03	2,65
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-		1.439,50	11,66	1.439,50
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	109,16		408,01	3,30	298,85
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,52	0,02	358,08	2,90	355,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	29,21	0,24	336,17	2,72	306,96
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.280,85	18,48	2.933,59	23,76	652,74
-	Đất giao thông	DGT	1.235,82	10,01	1.857,06	15,04	621,24
-	Đất thủy lợi	DTL	721,11	5,84	610,82	4,95	-110,29
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,48	0,03	7,76	0,06	4,28
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,66	0,01	0,66	0,01	-
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	15,39	0,12	26,11	0,21	10,72

-	Đất cơ sở y tế	DYT	6,69	0,05	9,77	0,08	3,08
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	65,03	0,53	97,49	0,79	32,46
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	35,15	0,28	68,31	0,55	33,16
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6,87	0,06	6,87	0,06	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,95	0,13	34,19	0,28	18,24
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	23,15	0,19	31,27	0,25	8,12
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	144,94	1,17	170,41	1,38	25,47
-	Đất xã hội	DXH	0,11	0,00	0,11	0,00	-
-	Đất chợ	DCH	6,50	0,05	12,77	0,10	6,27
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	2,24	0,02	20,24	0,16	18,00
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	908,03	7,36	1.180,21	9,56	272,18
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	106,38	0,86	235,65	1,91	129,27
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,52	0,16	23,58	0,19	4,06
2.12	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,09	0,02	1,83	0,01	-0,26
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-		0,49	0,0	0,49
2.14	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,01		134,00	1,09	131,99
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,34	0,04	5,69	0,05	0,35
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	327,88	2,66	327,09	2,65	-0,79
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	144,22	1,17	140,62	1,14	-3,60
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,05	-	0,05	-	-

1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp đến 31/12/2020 là 8.398,18 ha, trong giai đoạn 2021-2030 đất nông nghiệp giảm 3.620,17 ha so với hiện trạng do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Như vậy, đến năm 2030 tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện còn 4.778,00 ha, chiếm 38,70% diện tích đất hành chính.

Trong đó: Đất trồng lúa diện tích đến 31/12/2020 có 6.437,37 ha, trong giai đoạn 2021-2030 đất trồng lúa giảm 3.874,52 ha so với hiện trạng. Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất trồng lúa là 2.562,85 ha, chiếm 20,76% diện tích đất hành chính.

2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp đến 31/12/2020 là 3.947,31 ha, trong giai đoạn 2021-2030 đất phi nông nghiệp tăng 3.620,17 ha do chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang: Đất trồng lúa 3.508,83 ha, đất trồng cây hàng năm khác 33,79 ha, đất trồng cây lâu năm 65,56 ha, đất nuôi trồng thủy sản 120,39 ha. Như vậy, đến năm 2030 tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện là 7.567,48 ha, chiếm 61,30% diện tích đất hành chính.

Diện tích các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp tăng, gồm:

+ Đất quốc phòng : 12,22 ha;

+ Đất an ninh	:	2,65	ha;
+ Đất khu công nghiệp	:	1.439,50	ha;
+ Đất cụm công nghiệp	:	298,85	ha;
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	355,87	ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	:	309,62	ha;
+ Đất giao thông	:	814,26	ha;
+ Đất thủy lợi	:	66,65	ha;
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	11,58	ha;
+ Đất xây dựng cơ sở y tế	:	3,27	ha;
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	34,59	ha;
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	35,27	ha;
+ Đất công trình năng lượng	:	4,40	ha;
+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa	:	18,00	ha;
+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	:	18,88	ha;
+ Đất cơ sở tôn giáo	:	31,27	ha;
+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	:	26,17	ha;
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	131,99	ha;
+ Đất chợ	:	6,42	ha;
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	131,99	ha;
+ Đất ở tại nông thôn	:	273,97	ha;
+ Đất ở tại đô thị	:	129,31	ha;
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	4,71	ha;
+ Đất cơ sở tín ngưỡng	:	0,35	ha;

II. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch 2021-2030

Bảng 04: Diện tích chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch 2021-2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	3.730,45
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	3.508,83
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	3.508,83
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	33,79
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	65,56
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	120,39
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	1,89
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP	388,60
	Trong đó:		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	251,16
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	114,53

2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	0,01
2.4	Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất nông nghiệp khác	NTS/NKH	6,16
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	16,74
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	46,04

IV. Danh mục công trình dự án thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 huyện Thanh Miện

(Chi tiết thể hiện tại bảng số 05)

PHẦN III

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xác định giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, điều tra đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước trên địa bàn huyện để sử dụng có hiệu quả và bền vững.

- Đối với đất sản xuất nông nghiệp: Tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ và phân vi sinh, hạn chế sử dụng phân hóa học và các loại thuốc hóa học bảo vệ thực vật. Các vùng đất có độ dốc lớn, không nên làm đất vào mùa mưa nhằm giảm thiểu các quá trình xói mòn, rửa trôi đất, khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường đất để sử dụng đất ổn định, lâu dài và bền vững.

- Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít hoặc không ô nhiễm môi trường. Kiểm tra, xử phạt nghiêm khắc hoặc đình chỉ sản xuất đối với các nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh,... gây ô nhiễm môi trường do các nguồn chất thải không được xử lý.

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật về môi trường, không ngừng nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện tốt và giám sát chặt chẽ việc thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông, có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đồng thời với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội.

- Khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu dân cư tập trung, đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo lại cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất,...nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

2. Xác định giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất

***. Giải pháp về tổ chức thực hiện**

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và công bố công khai nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện có liên quan đến xã, thị trấn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường và việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng kỹ thuật với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong cả giai đoạn và hàng năm để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH của huyện.

Ưu tiên thực hiện các công trình, dự án, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phải đầu tư trước một bước.

Xây dựng kế hoạch và có cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn.

*** Giải pháp về chính sách**

Chỉ đạo và thực hiện đồng bộ nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Triển khai thực hiện việc quản lý đất đai: giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo đúng thẩm quyền và căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Cần có các chính sách ưu đãi để tạo sức hút phát triển công nghiệp, dịch vụ, có chính sách bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng, kịp thời đối với đất đai cần thu hồi. Ưu tiên bố trí quỹ đất tái định cư cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất. Đầu tư cơ sở hạ tầng để nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân.

***. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư**

Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án.

Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội có liên quan đến kế hoạch sử dụng đất.

Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

Quản lý tốt thị trường nhà và đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất, góp phần giảm chi phí đầu tư vào cho các nhà sản xuất.

Tăng cường quản lý và giám sát việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm để bảo toàn và phát huy đồng vốn một cách hiệu quả.

Tăng cường công khai tài chính, ngân sách các cấp, tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

***. Giải pháp về sử dụng đất**

Đất trồng lúa: Rà soát, xác định rõ chỉ tiêu về diện tích đất trồng lúa bảo vệ nghiêm ngặt; phân bổ, xác định ranh giới ngoài thực địa, lập bản đồ diện tích đất trồng lúa và công khai đến từng xã; giao cho UBND cấp xã quản lý; trong trường hợp cần thiết chuyển một phần diện tích đất trồng lúa sang diện tích khác thì phải có biện pháp bổ sung diện tích đất trồng lúa hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa để bù đắp diện tích đất trồng lúa đã bị chuyển mục đích và phải được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Đất cụm công nghiệp: Tiếp tục rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng sử dụng đất làm cơ sở để điều chỉnh quy hoạch đất cụm công nghiệp đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ, không bỏ trống đất gây lãng phí.

Đất đô thị: Rà soát quy hoạch sử dụng đất đô thị theo hướng bố trí sử dụng đất hợp lý, đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hạ tầng xã hội, nâng cao hệ số sử dụng đất...

Đất quốc phòng, an ninh: rà soát, xác định ranh giới quỹ đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; cần vừa đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng an ninh, vừa đảm bảo quản lý chặt quỹ đất tại địa phương.

Đất cơ sở hạ tầng: Cần ưu tiên bố trí đất để đầu tư phát triển hạ tầng đi trước một bước nhằm tạo động lực thực hiện cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ. Phân định rõ trách nhiệm và quản lý tốt các loại đất xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, năng lượng, bưu chính viễn thông, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, văn hóa, thể thao và đất hành lang an toàn theo quy định.

Xác định cụ thể quỹ đất có vị trí lợi thế để đấu giá cho mục đích thương mại nhằm tăng nguồn thu ngân sách; phát triển hạ tầng phải gắn với khai thác quỹ đất

liền kề để điều tiết chênh lệch giá đất do Nhà nước đầu tư; phải nâng cao công tác giám sát quy hoạch sử dụng đất.

***. Về khoa học kỹ thuật và công nghệ**

Chính sách khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ, phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong phát triển nông nghiệp.

Chính sách đề ưu tiên đón trước các công nghệ tiên tiến hiện đại trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, đô thị.

Chính sách xử phạt những hành vi gây tổn hại đến đất đai, môi trường, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề về ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là các chương trình có tác dụng nâng cao năng suất, chất lượng công tác quy hoạch, giúp triển khai nhanh và đồng bộ về quy hoạch giữa các cấp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Thanh Miện được xây dựng dựa trên Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025 về mục tiêu chiến lược phát triển bền vững huyện Thanh Miện đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Kết quả của phương án thể hiện được chiến lược sử dụng đất của huyện trong kỳ quy hoạch, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo pháp luật.

Kết quả của phương án đã sử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, đảm bảo được tính thực tiễn và có khả thi.

Để đảm bảo cho quá trình CNH-HĐH, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu KH-KT vào sản xuất.

Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn được cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của huyện. Các khu vực đô thị sau khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành điểm sáng, văn minh, hiện đại không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo ra được sự ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hoá nông thôn ở các khu vực khác.

Đất dành cho tiểu thủ công nghiệp, du lịch, DV-TM được tính theo phương án có tính khả thi cao nhất. Trong đó sẽ hình thành một số khu, cụm có quy mô tập trung, vị trí thuận lợi, bố trí đủ đất cho tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, thu hút nhiều ngành có công nghệ cao.

Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất quốc phòng an ninh đến giao thông, thủy lợi, nghĩa trang nghĩa địa - trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển KT-XH của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

2. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất đai, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, UBND huyện Thanh Miện kiến nghị:

Đề nghị UBND tỉnh sớm xem xét và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện để UBND huyện có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung của phương án góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH của huyện.